ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 545 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng làng nghề Mai Hương"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 288/TTr-TNMT ngày 01/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng làng nghề Mai Hương" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần xây dựng đô thị số 1 Hà Nội (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Mai Đình, xã Hương Lâm huyện Hiệp Hòa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Hiệp Hòa; UBND các xã: Mai Đình, Hương Lâm; Công ty Cổ phần xây dựng đô thị số 1 Hà Nội và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
  + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  + Lưu: VT, KTN.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH
HẠ TẦNG LÀNG NGHỀ MAI HƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng làng nghề Mai Hương.

- Địa điểm thực hiện: Xã Mai Đình và xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần xây dựng đô thị số 1 Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Trên địa bàn xã Mai Đình, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô, công suất

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật làng nghề với quy mô diện tích 9,8 ha. Ngành nghề phục vụ sản xuất và kinh doanh tại làng nghề như: Dệt may, chế biến nông, lâm sản thực phẩm, vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, tiểu thủ công nghiệp...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, giao thông, cấp điện, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện, quản lý chất thải rắn, trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300 m^3/ngày.đêm, mương hoàn trả, vỉa hè cây xanh vỉa hè…

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 8,7 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

* Thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng, di dời nghĩa trang.

- Bụi, đất đá rơi vãi từ hoạt động đào đất, di dời mộ.

- Ảnh hưởng đến kinh tế hộ dân bị thu hồi đất sản xuất.

* Dựng nhà tạm, lán trại và xây dựng nhà vệ sinh tạm, nạo vét, đào đắp, san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên, vật liệu san lấp.

- Bụi từ quá trình đào đắp đất san nền.

- Bụi, khí thải độc hại do đốt cháy nguyên, nhiên liệu động cơ máy móc, thiết bị thi công san lấp…

- Tiếng ồn, rung

- Chất thải rắn rơi vãi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu san lấp.

- Chất thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước mưa chảy tràn.

- Ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

- Cản trở giao thông khu vực, tai nạn giao thông

- Tai nạn lao động

- Mất trật tự an ninh.

* Vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, xây dựng hạ tầng kỹ thuật

- Bụi, khí thải độc hại (CO, NO_x, SO_x,…) do hoạt động vận chuyển và thi công xây dựng.

- Bụi từ hoạt động thi công thổi bụi, trải nhựa đường.

- Tiếng ồn, rung

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước mưa chảy tràn, nước thải thi công.

- Chất thải rắn

+ Chất thải rắn xây dựng: Đất, đá thải, vôi vữa xi măng rơi vãi, gạch vụn, bao bì xi măng, sắt thép vụn, gỗ hỏng...

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân.

+ Chất thải rắn nguy hại: Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc,..

- Cản trở giao thông khu vực, tai nạn giao thông.

- Tai nạn lao động

- Mất trật tự an ninh khu vực...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sản xuất của các hộ trong dự án; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; hoạt động giao thông di chuyển đi lại;

- Tác động:

+ Bụi, khí thải từ các hoạt động sản xuất từ các ngành nghề sản xuất; bụi, khí thải của các phương tiện giao thông; tiếng ồn; mùi hôi từ khu tập kết rác thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất; nước mưa chảy tràn;

- Chất thải công nghiệp từ công đoạn sản xuất; chất thải sinh hoạt thông thường; chất thải nguy hại;

- Sự cố rủi ro: Cháy nổ, chập điện, tai nạn giao thông, mất trật tự an ninh khu vực...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2,4m^3/ngày.đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng là: BOD_5, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Nitơ, tổng phốt pho, Amoni, Coliform…

+ Nước thải thi công phát sinh khoảng 2,1-2,4 m^3/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng là: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5, COD, dầu mỡ,…

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)…

- Bụi, khí thải

+ Bụi từ hoạt động đào đắp, san nền, di dời mộ, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng, thổi bụi mặt đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên nguyên vật liệu, máy móc thi công xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO_2, NO_2, bụi, VOC_s.

+ Khí thải từ quá trình trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi, VOC_s…

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 15 kg/ngày.

- Chất thải là vật liệu xây dựng dư thừa như cát, đá, vữa, đầu mẩu sắt, thép, bao bì cát tông, nilong,…phát sinh khoảng 25,8 tấn trong cả quá trình thi công xây dựng.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ bôi trơn…phát sinh khoảng 35 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tác động do tiếng ồn, độ rung do quá trình thi công xây dựng. Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động do thu hồi, chiếm dụng, giải phóng mặt bằng; tác động đến giao thông khu vực, tác động đến kinh tế xã hội khu vực xung quanh dự án;

- Tác động do sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ…

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải của các hộ sản xuất, kinh doanh trong dự án gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt với lượng phát sinh khoảng 215 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5, chất rắn lơ lửng, Amoni, tổng Nitơ, tổng phốt pho, Coliform…

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: BOD_5, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)…

- Bụi, khí thải

+ Bụi, khí thải từ cơ sở sản xuất các ngành nghề thu hút đầu tư vào dự án có thông số ô nhiễm đặc trưng là: Bụi, CO, NO_x, SO_2…;

+ Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_x, SO_2…;

+ Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết rác.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt từ người lao động tại dự án phát sinh khoảng 0,5 tấn/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ kinh doanh, doanh nghiệp có thành phần chủ yếu là đầu mẩu gỗ, mùn cưa, vải thừa, vụn chỉ, đầu mẩu sắt thừa, vỏ nông sản thực phẩm…phát sinh khoảng 1,67 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại từ các hộ sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có thành phần chủ yếu như: Bao bì thùng đựng hóa chất, giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại, gòn đánh véc ni, mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải…phát sinh khoảng 0,2 tấn/ngày. Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 10,5kg/ngày.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện vận tải ra vào dự án, từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các hộ gia đình, doanh nghiệp. Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội của địa phương, ảnh hưởng đến giao thông khu vực,…

- Tác động do sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, tràn đổ, rò rỉ hóa chất khu xử lý nước thải tập trung, sự cố kỹ thuật tại trạm xử lý nước thải tập trung, sự cố ngập úng khu vực do thiên tai…

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà văn phòng từ giai đoạn trước, nhà văn phòng có khu vệ sinh với bể tự hoại 03 ngăn dung tích 12m^3. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom nước thải, hút bùn cặn, mang đi xử lý theo quy định không thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải thi công xây dựng: Bố trí khoảng 02-03 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn: Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài. Thiết kế san lấp theo hướng dốc về phía Nam của dự án để thuận tiện cho việc thoát nước.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện phun nước, tưới ẩm với tần suất 02 lần/ngày ở những khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển đoạn ra vào dự án.

- Phủ bạt kín thùng xe trong quá trình vận chuyển đất đá, nguyên vật liệu xây dựng.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi và các công nhân làm việc trong khu vực này: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ....

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 04 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực lán trại tạm và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý (tần suất 02 ngày/lần).

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng và tận dụng triệt để các loại phế liệu phục vụ cho chính hoạt động xây dựng dự án, phần còn lại không tận dụng được, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng phuy có dung tích 200 lít đặt tại vực kho chất thải tạm thời (bố trí gần khu văn phòng đã xây dựng giai đoạn trước). Kho diện tích 20m^2, có mái che, nền xi măng, vây tôn, mái lợp tôn, có biển cảnh báo); hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành về vận chuyển, lưu giữ và quản lý tốt các vật liệu dễ cháy nổ trên công trường; tăng cường các biện pháp an toàn về phòng chống cháy, nổ tại các khu vực dễ cháy (lưu giữ nhiên liệu) như: Gắn biển cấm lửa, lập rào chắn cách ly.Đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với khu vực bảo quản nhiên liệu: Xa lán trại công nhân ở khoảng cách 40m, xa nhà dân ở khoảng cách 60m. Trang bị các phương tiện chữa cháy (bình bọt, bình CO_2, cát, hồ nước,…).

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra; lập hàng rào ngăn hoặc biển báo hướng dẫn những nơi nguy hiểm tại công trường, tại các nút giao thông, kho chứa các chất dễ cháy nổ; Lắp biển báo cấm lửa và trang bị các thiết bị chữa cháy và dập cháy nhanh tại các khu vực dễ xảy ra cháy nổ.

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác tránh gây các

trường hợp tai nạn giao thông xảy ra. Yêu cầu các chủ phương tiện chở vật liệu đúng tải trọng cho phép và tuân thủ luật giao thông, chạy đúng tốc độ cho phép nhằm hạn chế khả năng xảy ra tai nạn giao thông;

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh tại dự án được thu gom, xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất 300m^3/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát, theo dõi theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn được thu gom qua hệ thống thu gom riêng và thoát vào mương hoàn trả và đổ ra mương thoát nước chung của khu vực.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí tổ vệ sinh môi trường thường xuyên quét dọn đất cát, bụi bẩn và phun nước rửa bề mặt các tuyến đường nội bộ trong dự án.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hộ gia đình, doanh nghiệp trong dự án được các đơn vị tự thu gom, xử lý theo quy định.

- Định kỳ thực hiện nạo vét, hút bùn cặn, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý giảm mùi hôi thối tại khu vực rác thải, trạm xử lý nước thải.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

Toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của từng hộ gia đình, doanh nghiệp do chính các đơn vị thực hiện thu gom, quản lý, xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của từng hộ gia đình, doanh nghiệp do chính đơn vị thực hiện thu gom, quản lý, xử lý theo quy định.

Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung của chủ dự án, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh trong khu vực dự án để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trang bị đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như: Mũ bảo hộ, quần áo đồng phục, giày, khẩu trang, bao tay…phù hợp với từng bộ phận, công đoạn hay vị trí làm việc của công nhân lao động.

- Xây dựng nội qui an toàn lao động cho từng công đoạn sản xuất, biển báo nhắc nhở nơi sản xuất nguy hiểm.

- Các phương tiện vận tải giảm tốc độ khi đi qua khu dân cư, khi ra vào dự án đảm bảo an toàn giao thông hạn chế tai nạn có thể xảy ra.

- Các hộ gia đình, doanh nghiệp khi xây dựng nhà máy trong khu vực dự án phải có thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC), có phương án PCCC cũng như nội quy PCCC trong phạm vi nhà máy của mình. Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, có đường nội bộ rộng để xe chuyên dụng vào ứng cứu khi xảy ra sự cố.

- Tuân thủ vận hành theo đúng tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải. Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải và mang đi xử lý.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống tiêu thoát nước trong phạm vi dự án.

- Bố trí hệ thống máy bơm hút nước, bơm nước ra kênh tiêu Ngọ Khổng II. Trong trường hợp trạm bơm Ngọ Khổng xảy ra sự cố, chủ dự án thực hiện các biện pháp bơm nước vào hệ thống thoát nước khu vực phía Tây dự án để theo đường cống thoát ra sông Cầu.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực công trường (đầu và cuối hướng gió)

- Thông số giám sát: Bụi, SO_2, NO_x, CO, tiếng ồn,..

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Nước thải

* Giám sát định kỳ

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại bể thu gom đầu vào trạm xử lý nước thải và 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Màu, BOD_5, Asen, Thủy ngân, Chì, Crom(III), Crom(VI), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, tổng Nitơ, tổng phốt pho, clorua, clo dư, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

* Giám sát tự động, liên tục

- Vị trí giám sát: Tại mương quan trắc tự động (online)

- Thông số giám sát: Lưu lượng đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, COD, pH, Amoni.

- Tần suất giám sát: Liên tục

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 288/TTr-TNMT ngày 01/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.